TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 28/6/2023
V/v: Tranh chấp lối đi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phương Văn Tư.

2. Ông Hoàng Văn Học.

- Thư ký phiên toà: Bà La Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa*:** Ông Lương Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2021/TLST-DS ngày 26/10/2021 về việc "Tranh chấp lối đi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 17/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 198x. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngân Bá B, sinh năm 196x. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nông Thị L, sinh năm 198x. Có mặt.

- Bà Hoàng Thị V. Vắng mặt.

- Anh Ngân Bá K, sinh năm 199x. Có mặt.

- Ông Hoàng Minh C, sinh năm 197x. Có mặt.

- Ông Hoàng Văn T. Vắng mặt.

- Bà Ngân Thị N. Vắng mặt.

- Ông Ngân Bá C. Vắng mặt.

- Ông Ngân Bá H, sinh năm 198x. Vắng mặt.

- Ông Ngân Văn T, sinh năm 198x. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

4. Người làm chứng: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 195x. Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn Hoàng Văn L khai: Gia đình có một thửa đất nguồn gốc do ông bà ngoại để lại, sau đó được chia cho 03 anh em ông L gồm Hoàng Văn L, Hoàng Minh C và Hoàng Văn T. Sau khi được chia thì cả ba anh em đã làm thủ tục kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng cho từng người. Cụ thể: Hoàng Văn L thửa 267, tờ bản đồ 28, diện tích 157,4m^2 (giáp với thửa đất bị đơn); Hoàng Minh C thửa 226, tờ bản đồ 28, diện tích 158m^2 và Hoàng Văn T thửa 268, tờ bản đồ 28, diện tích 364m^2. Để đi vào canh tác các thửa đất này trước đây có một con đường có chiều rộng khoảng 1,5 - 02m. Phía bị đơn cũng có thửa đất 212 tiếp giáp với các thửa của anh em nguyên đơn, việc đi vào canh tác cũng đi theo con đường cũ rộng khoảng 1,5 - 02m này. Đến năm 2009 gia đình ông B dựng nhà trên thửa đất 212 này vẫn tiếp tục đi lại trên con đường cũ này. Đến năm 2019 ông B nhận chuyển nhượng thửa đất 201 với ông Ngân Văn T (con đường cũ đi dọc theo bờ của thửa đất 201 này). Vì vậy ông B đã mở con đường mới cắt ngang qua thửa đất 201 để đi thẳng vào nhà ông B. Đồng thời ông B cho san lấp rào chắn con đường cũ không cho ai đi theo con đường này nữa. Việc đi vào canh tác các thửa đất của gia đình nguyên đơn phải đi nhờ con đường mới mà ông B mới mở. Tuy nhiên thi thoảng ông B lại cản trở không cho anh em nguyên đơn đi nhờ con đường mới để vào canh tác. Vì vậy ông L đã làm đơn nhờ chính quyền xã giải quyết. Tại buổi hòa giải UBND xã cũng xác định con đường cũ đã có từ trước và trên bản đồ địa chính vẫn còn thể hiện, buộc ông B phải mở lại con đường cũ để nguyên đơn vào canh tác các thửa đất của mình nhưng ông B không đồng ý. Sau đó UBND xã đã ra quyết định số 119/QĐ-XPVPHC ngày 01/9/2020 về hành vi lấn chiếm đất đai và buộc ông B khôi phục lại đất như trước khi vi phạm nhưng bị đơn vẫn không chấp hành. Do vậy ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B phá dỡ hàng rào cây trả lại mặt bằng để mở lại con đường đi như cũ từ đường liên xóm đến thửa đất của nguyên đơn với chiều rộng là 1,5m. Hoặc buộc ông B và gia đình cam kết con đường cắt ngang qua thửa 201 là đường đi chung không ai được quyền hạn chế đi lại.

Bị đơn ông B khai: Gia đình có thửa đất 212, tờ bản đồ số 28 tiếp giáp với các thửa đất của ông L, ông T. Trước thời điểm 2006 gia đình ông đi canh tác thửa đất này bằng con đường là vòng quanh theo bờ của thửa đất 201 của ông T. Năm 2007 sau khi dựng nhà thấy đi lại khó khăn vì đường hẹp nên ông có xin các hộ liền kề nhường đất mở rộng thêm con đường này khoảng 80cm. Đến năm 2019 gia

đình ông mua toàn bộ thửa đất 201 của ông T, rồi đến năm 2020 mua tiếp một góc nhỏ thửa đất 185 của ông H. Đồng thời mở con đường mới rộng hơn 2m từ nhà ông cắt ngang thửa 201 đi thẳng ra đường bê tông liên xóm. Gia đình ông không cấm ai đi lại trên con đường mới này, tuy nhiên để gia đình cam kết đây là con đường đi lại chung thì ông không nhất trí. Vì toàn bộ đường này được làm trên đất của ông, buộc ông cam kết là vô lý. Nếu buộc ông mở lại con đường cũ đi theo bờ của thửa đất 185 và thửa 201 ông cũng không nhất trí, vì thực tế ngày xưa không có đường đi lại mà chỉ đi theo bờ rẫy.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh K khai: Anh là con trai của ông B, trước đây chưa làm đường mới thì gia đình đi canh tác theo bờ của thửa đất ông T, ông H để đến thửa đất 212 của gia đình có chiều rộng khoảng 60 - 70cm. Sau đó gia đình anh mới mua thửa 201 của ông T và một phần thửa 185 của ông H để làm đường mới như hiện nay. Gia đình anh không ngăn cấm ai đi theo con đường này nhưng để cam kết làm đường đi chung hoặc mở lại đường cũ anh cũng không nhất trí.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị L khai: Bà là vợ của ông L, từ ngày về làm dâu đã được canh tác thửa đất 267, tờ bản đồ 28, diện tích 157,4m^2 theo con đường cũ rộng khoảng 1,5m. Nay nhất trí với yêu cầu của ông L buộc ông Bằng cam kết đường đi chung hoặc mở lại con đường cũ như ngày xưa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T khai: Năm 2019 có bán cho Ngân Bá K thửa đất 201, diện tích 444m^2 với giá 30.000.000đ, nguồn gốc thửa đất được bố mẹ tặng cho. Hiện trạng thửa đất trước khi bán có đường dân sinh đi qua để bà con đi làm đồng, nhưng diện tích con đường rộng bao nhiêu ông không rõ. Ông chỉ bán phần đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không bán đất đường.

Trong quá trình hòa giải tại xã bà N có khai: Thửa đất 201 bà đã canh tác từ những năm 2000, sau đó cho con cháu canh tác đến năm 2019 mới bán cho ông B. Bà khẳng định trước khi bán cho ông B thì có con đường bé để trâu bò và mọi người đi lại theo bờ đến đất của ông L, còn diện tích kích thước con đường bao nhiêu bà không rõ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông H khai: Năm 2020 có chuyển nhượng cho gia đình ông B phần đất lối đi nằm tại thửa 185 của ông H. Diện tích bán cho gia đình ông B chiều rộng 2,5m, dài 11m. Hiện nay giữa ông H với ông C, ông B không có tranh chấp nên đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Minh C khai: Ông là anh trai của Hoàng Văn L, ba anh em có ba thửa đất liền kề nhau, trước đây có con đường cũ đi theo bờ của đất ông H, ông T đến thửa đất ông L đang canh tác hiện nay. Ông nhất trí theo các yêu cầu của ông L không bổ sung gì thêm.

Người làm chứng ông L khai: Từ lúc ông học cấp 1 đã đi trên con đường cũ qua đất ông T đã bán cho ông B để đi học trong đó. Đám đất này ông L được bà N cho canh tác mấy năm, trong quá trình canh tác vẫn có đường đi qua theo bờ để đến thửa đất ông L. Trước khi ông B mở con đường mới hiện nay thì gia đình ông

B cũng đi theo con đường cũ này để vào canh tác thửa đất của ông B, đi nhờ qua cả đất của gia đình ông L. Việc ông B ngăn lối đi cũ là không đúng, ảnh hưởng đến việc đi lại của nhiều người. Con đường cũ ngày xưa rộng bao nhiêu ông không đo nên không biết, nhưng ước lượng khoảng hơn 1m từ đầu đường bê tông vào đi theo bờ thửa đất ông T đến thửa đất ông L.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau giải quyết vụ án nhưng không thành. Ngày 25/4/2022, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo đơn yêu cầu của nguyên đơn với kết quả:

- Con đường tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn nằm xen giữa thửa 185 của Ngân Bá H, thửa 213 của Ngân Bá C và thửa 201 của bị đơn.

- Theo bản đồ địa chính năm 2002 thì có con đường đi qua giữa các thửa đất trên. Tuy nhiên hiện nay thửa 213 của Ngân Bá C thực tế quản lý vượt ra phần đường trên bản đồ địa chính năm 2002, đã xây gạch vồ bao quanh thửa đất. Còn đoạn đường nằm giữa thửa 213 và thửa 201 có chiều dài hơn 20m với tổng diện tích là 64,1m^2. Toàn bộ diện tích con đường này hiện nay gia đình ông B đã san bằng làm đất canh tác cùng với thửa 201 của mình và đang trồng cỏ voi trên diện tích đất tranh chấp này.

- Hiện nay gia đình ông B đã mở một lối đi khác rộng hơn 2m cắt ngang qua thửa đất 201 để đi vào nhà tại thửa 212 của mình.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông B cam kết con đường đi từ đường bê tông liên xóm đến thửa 212 là đường đi chung, không ai được quyền hạn chế đi lại đối với con đường này. Nếu không nhất trí thì buộc ông B phá dỡ hàng rào cây để trả lại mặt bằng mở lại con đường đi như cũ từ đường liên xóm đến thửa đất của nguyên đơn với chiều rộng là 1,5m.

Bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh K cũng giữ nguyên quan điểm như các phiên hòa giải. Không nhất trí mở con đường cũ vì cho rằng từ xưa không có con đường nào như nguyên đơn khai. Hiện nay gia đình bị đơn mở con đường mới rộng hơn 2m ai đi qua thì đi, gia đình không ngăn cấm nhưng không nhất trí cam kết làm con đường chung.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông ông C, bà L cũng giữ nguyên lời khai và nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn trong các phiên hòa giải không ký biên bản nên chấp hành không đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 157, 158, 271, 273 BLTTDS; Điều 101, 203 Luật Đất đai; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào cây trả lại mặt bằng để mở lối đi cũ có chiều rộng 1m cho nguyên đơn.

- Buộc bị đơn chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định của pháp luật.

- Các bên có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông H, ông C, ông T, ông T, bà N và người làm chứng. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng những người này vắng mặt không có lý do. Mặt khác các ông H, T, ông L đã có lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phải giải quyết là "Tranh chấp lối đi" (một dạng tranh chấp đất đai) theo khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B tháo dỡ hàng rào cây để mở lại con đường đi như cũ từ đường liên xóm đến thửa đất của nguyên đơn với chiều rộng là 1,5m. Hoặc buộc ông B cam kết con đường hiện nay là đường đi chung không ai được quyền hạn chế đi lại. Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Hiện nay thửa đất 267 của nguyên đơn và các thửa 226, 268 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nằm ở phía trong, muốn vào canh tác phải đi qua đất của bị đơn. Trước đây nguyên đơn đi theo con đường cũ qua cạnh bờ thửa 185 của ông Hơn và thửa 201 của bị đơn để đến thửa đất của mình. Hiện nay bị đơn đã mở đường mới rộng hơn 2m cắt ngang qua thửa 201 để vào nhà của mình ở thửa 212, con đường này cũng đến thửa đất 267 của nguyên đơn.

Xét yêu cầu buộc ông B và gia đình cam kết con đường mới hiện nay là con đường chung không ai được quyền hạn chế việc đi lại của nguyên đơn: Theo con đường mới hiện nay thì khoảng cách từ đường bê tông liên xóm đến thửa đất 267 của nguyên đơn là gần và thuận lợi hơn so với đường cũ trước đây. Nhưng toàn bộ con đường này hiện nay đều nằm trong đất của bị đơn, dù gia đình bị đơn không cấm người khác đi lại nhưng không nhất trí cam kết làm đường đi chung. Từ khi xảy ra tranh chấp thì hai bên gia đình cũng đã có những lần xung đột xích mích với nhau gây thương tích vì đi lại trên con đường này, hiện nay hai bên gia đình đã mâu thuẫn trầm trọng. Nếu tuyên buộc gia đình ông B cam kết làm lối đi chung có thể dẫn đến việc khó hoặc không thể thi hành, lúc không thích có thể gia đình ông B sẽ ngăn cản việc đi lại trên con đường đi qua trên toàn bộ đất của ông. Do đó việc buộc cam kết làm lối đi chung không có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu mở đường cũ ngày xưa thấy rằng: Chủ thửa đất 201 là bà N, ông T đều khẳng định trước khi bán cho ông B có con đường đi theo bờ để trâu bò

và mọi người trong xóm đi lại, còn diện tích, kích thước bao nhiêu thì không rõ. Điều này cũng được người làm chứng ông L đã từng có thời gian canh tác thửa đất 201 khẳng định. Ngoài ra chính bị đơn cũng thừa nhận trước khi làm con đường mới thì gia đình cũng đi lại theo con đường cũ này, xin đất bà N để mở rộng đường vào nhà khoảng 60cm - 1m. Đặc biệt theo bản đồ địa chính năm 2002 thể hiện có con đường cũ này từ đường bê tông liên xóm đến thửa đất của nguyên đơn có chiều rộng hơn 2m. Do đó có căn cứ khẳng định trước khi ông B rào cây và mở lối đi mới hiện nay thì đã tồn tại con đường từ đường bê tông liên xóm đi qua giữa thửa 185 và thửa 213 đến thửa đất của nguyên đơn.

Từ những phân tích và nhận định trên đây, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu buộc ông B tháo dỡ hàng rào cây để mở lại con đường đi như cũ từ đường liên xóm đến thửa đất của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ để chấp nhận.

Tuy nhiên, yêu cầu mở con đường rộng 1,5m là không có căn cứ. Vì tuy bản đồ địa chính năm 2002 thể hiện con đường rộng hơn 2m, nhưng thực tế đây chỉ là đường mòn cho trâu bò và bà con đi lại làm đồng, không phải là đường liên xóm nên thực tế đường không thể rộng hơn 2m. Các bên cũng xác nhận con đường ngày xưa rộng hơn 1m nhưng cụ thể bao nhiêu không biết. Mặt khác khoảng cách từ đường bê tông liên xóm đến thửa 267 của nguyên đơn cũng chỉ dài hơn 29m và chỉ vào canh tác 03 thửa đất của anh em nguyên đơn. Do đó việc mở lối đi có chiều rộng 1m với tổng diện tích 34m^2 chạy song song theo bờ thửa 213 đến thửa 267 là phù hợp. Việc mở lối đi có chiều rộng 1m này cũng nằm hoàn toàn trên phần đường thể hiện trên bản đồ địa chính năm 2002, các bên cũng xác nhận không bán phần đất đường đi cho gia đình bị đơn. Vì vậy không cần thiết phải định giá đất để buộc nguyên đơn đền bù bằng giá trị cho bị đơn là có căn cứ.

Đối với một phần diện tích đường theo bản đồ địa chính năm 2002 hiện nay đang nằm trong thửa 213 của ông C: Hội đồng xét xử thấy rằng gia đình ông C đã quản lý, sử dụng ổn định lâu dài không có tranh chấp, các bên cũng xác nhận con đường ngày xưa không đi qua thửa đất của ông C. Mặt khác thửa 213 của ông C cũng cao hơn mặt đường đi hiện nay. Do đó không xem xét việc mở lối đi qua thửa 213 của ông C là có căn cứ.

[4]. *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:* Nguyên đơn tạm nộp trước 5.000.000đ, số tiền này Hội đồng đã chi phí hết. Do phần lớn yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000đ. Số tiền này bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn.

[5]. *Về án phí:* Do Phần lớn yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí số tiền 300.000đ để sung quỹ Nhà nước. Nguyên đơn được trả lại 300.000đ theo biên lai số 0004081 ngày 26/10/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 157, 158, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 166, 170 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 245, 246, 247, 248, 163, 169, 175 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận phần lớn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ngân Bá B tháo dỡ hàng rào cây mở lại đường đi có chiều rộng 1m với tổng diện tích 34m^2 chạy song song theo bờ thửa 213 đến thửa 267. Kích thước các cạnh con đường được thể hiện trên trích lục cụ thể như sau:

- Cạnh AB dài 10,07m giáp đường đi (phần đất gia đình bị đơn mua với ông Hơn).

- Cạnh BC dài 24,37m giáp với thửa 201 của bị đơn.

- Cạnh CD dài 1m giáp với thửa 267 của nguyên đơn.

- Các cạnh DE dài 20,01m, EF dài 9,83 giáp với thửa 213 của ông Chung.

- Cạnh FA dài 1m giáp với đường bê tông liên xóm.

Có trích lục thửa đất kèm theo Bản án.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động đất theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu mở đường rộng 50cm của nguyên đơn Hoàng Văn L.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Ngân Bá B trả cho ông Hoàng Văn L số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Ngân Bá B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ để sung quỹ Nhà nước. Ông Hoàng Văn L được trả lại 300.000đ theo biên lai số 0004081 ngày 26/10/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh thu.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Người có QLVNVLQ;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nông Văn Tùng